



BAN QUẢN LÝ QUY HOẠCH LƯU VỰC SÔNG HỒNG-THÁI BÌNH

**Trong số này:**

- Kiểm tra công tác phòng chống lụt bão ba tỉnh Hà Nam - Nam Định - Ninh Bình từ ngày 19/5/2005 đến ngày 24/5/2005
- Thành tựu phát triển khoa học công nghệ thủy lợi ứng dụng vào Hà Nam phục vụ cho phát triển nông nghiệp nông thôn và các ngành kinh tế quốc dân
- Hồ Hoà Bình đã thoát hiểm
 - Nghị định số 34/2005/NĐ-CP quy định về xử phạt và phạt hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước
- Chỉ thị số 12/2005/CT-TTG của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm, cứu nạn năm 2005
 - Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thành lập ban quản lý quy hoạch lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn
 - Hội thảo PIM/RDS của dự án thủy lợi lưu vực sông Hồng giai đoạn 2 (ADB 3)
 - Tóm tắt báo cáo khởi đầu của dự án thủy lợi sông Hồng giai đoạn 2
- Thực trạng cấp nước đô thị Việt Nam, chương trình, kế hoạch xây dựng và phát triển
- Ủy hội sông Mekong kỷ niệm 10 năm hợp tác
 - Khoá tập huấn lần thứ 2 của Narbo
 - Hợp trú bị lần thứ 3 chuẩn bị cho diễn đàn nước Đông Nam Á
 - Khoá tập huấn của JICA về quản lý tổng hợp TNN

In this Issue:

- Inspection of Prevention and Mitigation Measures Against Flood and Inundation in Ha Nam, Nam Dinh and Ninh Binh Provinces From 19 to 24 May 2005
- Achievements of Application Of Water Resources Science and Technology in Ha Nam Province Serving Agricultural and Rural Development and other Economic Sectors
- Hoa Binh reservoir out of the risk
 - Decree No. 34/2005/ND-CP on penalties for administrative violations in the water resources sector
- Instruction No. 12/2005/CT-TTG by Prime Minister on prevention and control of inundation and floods, and search and rescue in 2005
 - Decision of Minister of Agriculture and Rural Development on establishment of the Vu Gia-Thu Bon RBD
 - PIM/RDS workshops of the 2nd Red Rive basin project (ADB3) Do Son 19-20 May 2005
 - Summary of the Inception Report of the 2nd RRBP
- The Situation of Water Supply in the Urban Area of Vietnam
 - The Program and Plan for the Infrastructure Building and Development
- Mekong River Commission celebrates 10 years of cooperation
 - The 2nd NARBO training course
 - The 3rd preparatory meeting for Southeast Asia Water Forum on May 17, 2005
 - JICA training course on IWRM from October 11 to November 8

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THỦY LỢI TRONG THỜI KỶ ĐỔI MỚI PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

TS. Phạm Thế Chiến (Viện Quy hoạch Thủy lợi)

Technology Development And Application in Water Sector in Reform Period Serving Development Of The Red River Delta

Dr. Pham The Chien (Institute of Water Resources Planning)

Technology development and application in water sector have been considerably contributing to the development of the country in general and of the Red River Delta in particular. Investments in researches and studies have gained great results and practical applications and they are increasingly needed to serve the industrialization and modernization.

Vùng đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) là một vùng dân sinh - kinh tế rộng lớn, gồm 5 thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương, Thái Bình và 6 tỉnh: Vinh Phúc, Hà Tây, Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên, rộng 14.800 km² và có khoảng 17,7 triệu dân.

I. KHCN THỦY LỢI TRONG THỜI KỶ ĐỔI MỚI PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐBSH

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI trở đi về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, Bộ Thủy lợi (trước đây) và Bộ Nông nghiệp và PTNT (hiện nay) đã chú ý đầu tư phát triển thủy lợi và quản lý tài nguyên nước. Khoa học công nghệ thủy lợi đã được nhiều cơ quan như Viện KHTL, Viện QHTL, Trường ĐHTL, Cty TVXDTL... tập trung thực hiện. Kết quả hoạt động khoa học công nghệ đã góp phần rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển thủy lợi Việt Nam nói chung và ở ĐBSH nói riêng. Các công trình nghiên cứu ở ĐBSH đã giải quyết được nhiều vấn đề phức tạp trong các lĩnh vực:

i) **Điều tra cơ bản** (điều tra, bổ sung cập nhật hệ thống dữ liệu cơ bản về địa hình, địa chất, số và chất lượng nước phục vụ quy hoạch, thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành các hệ thống thủy lợi);

ii) **Đánh giá TNN của ĐBSH** (các công trình dự báo biến đổi khí hậu toàn cầu, đề tài nghiên cứu như KC12-01: cân bằng, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả nguồn nước ở ĐBSH, công trình nghiên cứu về nước ngầm ở ĐBSH và một số vùng trọng điểm Hà Nội, Hà Tây, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình..., đã có những kết quả rất tốt để có những đối sách thích ứng trong tương lai);

iii) **Tưới, tiêu và cấp nước** (nhiều nghiên cứu

về tưới, xâm nhập mặn, chua phèn, vv... đã góp phần tìm ra các giải pháp kỹ thuật trong tình hình tưới, tiêu và cấp nước hiện nay);

iv) **Phòng chống lũ, chỉnh trị sông, bờ biển** (hàng loạt các công trình nghiên cứu về tiêu chuẩn chống lũ, nhận dạng lũ, đánh giá khả năng thoát lũ của sông Hồng, khả năng phân lũ vào sông Đáy, thủy triều, bờ biển, quy trình vận hành các hồ chứa đa mục tiêu Hoà Bình, Thác Bà..., đã được thực hiện để nâng cao mức bảo đảm an toàn phòng chống lũ ở ĐBSH).

v) **Xây dựng và bảo vệ công trình** (nhiều nghiên cứu về vật liệu xây dựng, thăm dò đánh giá chất lượng nền móng và thân công trình, gia cố nền và thân công trình là những công nghệ tiên tiến tu sửa, nâng cấp và xây dựng công trình)

vi) **Xây dựng, nghiên cứu ứng dụng và phát triển các phần mềm tiên tiến trong đánh giá nguồn nước, quy hoạch, thiết kế xây dựng thủy lợi** (các mô hình lưu vực sông: MIKE BASIN, MIKE SHE, MITSIM, REBASIN..., mô hình thủy văn: SSARR, NAM, TANK, AR, ARIMA..., mô hình thủy lực: VRSAP, KOD1, WENDY, SOBEK, MIKE11, MIKE21, MIKE FLOOD, TELEMAR-2D, hệ thống thông tin địa lý GIS: MAPINFOR, ARCVIEW..., mô hình chất lượng nước: QUAL2D, MIKE BASIN-WQ..., mô hình phân tích tối ưu trong quy hoạch, quản lý, vận hành hệ thống: GAMS, tính toán nhu cầu nước cho cây trồng: CROPWAT..., các phần mềm tin học tính toán thiết kế, lập bản vẽ các công trình thủy lợi, các phần mềm để trình bày các dự án, báo cáo tại hội nghị (Powerpoint...).

vii) **Quản lý nguồn nước và công trình thủy lợi** đã có nhiều công trình nghiên cứu về quản lý tài nguyên và môi trường nước, về quản lý, khai thác các hệ thống thủy lợi nhằm bảo vệ các nguồn nước, nâng cao hiệu quả của các hệ thống

II. KẾT QUẢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI

Hoạt động khoa học công nghệ đã thực sự góp phần quan trọng cho Ngành và các địa phương có cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược, lập các dự án quy hoạch, thiết kế, xây dựng và tổ chức quản lý TNN và các hệ thống Thủy lợi. Các hệ thống thủy lợi ngày càng được đầu tư hoàn chỉnh, củng cố, nâng cấp và xây dựng thêm nhiều, đáp ứng được nhu cầu cấp thoát nước cho các ngành kinh tế xã hội và phòng chống thiên tai cho vùng ĐBSH với mức bảo đảm ngày càng cao.

* **Về tưới tiêu, cấp nước:** Đến nay, trong vùng có 55 hệ thống thủy nông lớn và vừa gồm 500 công, 1.700 trạm bơm điện chính và 35.000 trạm bơm nhỏ nội đồng, hơn 5 vạn kênh trục chính các cấp, 35 hồ chứa có dung tích trên 0,5 triệu m³ và nhiều hồ chứa nhỏ có tổng diện tích tưới thiết kế khoảng 850.000 ha, kết hợp cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, thủy sản.



* Về phòng chống thiên tai lũ lụt: Vùng có hệ thống công trình phòng chống lũ bảo hoàn chỉnh:

- Hệ thống đê điều với 2.700 km đê sông, 1.118 công dưới đê TW quản lý, 310 km đê biển + cửa sông. Mực nước thiết kế chống lũ của đê sông tương ứng +13,1m ở Hà Nội và +7,20 m tại Phả Lại. Đặc biệt, đoạn đê hữu sông Hồng bảo vệ Hà Nội có mực nước thiết kế +13,4m. Hệ thống đê được củng cố, phần lớn đã đáp ứng được tiêu chuẩn chống lũ. Nhiều đoạn lòng, bãi sông xung yếu đã được gia cố bằng kè mái đá, kè bờ và mô hàn lái dòng.

- Công trình phân chận lũ: công trình sông Đáy đã được sửa chữa đập, cải tạo một vài đoạn sông, đê được củng cố; các vùng Tam - Thanh, Bát Bạt, Lập Thạch được đề dự phòng chận lũ khi có lũ lớn hơn lũ 1971.

- Tham gia chống lũ cho ĐBSH còn có: các hồ chứa Hòa Bình, Thác Bà ở thượng lưu cát lũ và các giải pháp phát triển tầng phủ rừng đầu nguồn.

Đến nay, hệ thống các công trình này có thể chống được các trận lũ lớn như lũ năm 1971 không phải phân, chận lũ và chống sông biển có mực nước triều 5% gặp bão cấp 9.

III. HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI

* Ổn định và tăng diện tích, năng suất, sản lượng lúa: Do diện tích được cấp nước tưới ngày càng tăng và chủ động hơn nên diện tích gieo cấy lúa ngày càng tăng, theo hướng chuyển đổi mạnh cơ cấu mùa vụ. Diện tích cây có hạt năm 2003 đạt 1,264 triệu ha, trong đó có 1,184 triệu ha lúa (1986: 5,68 triệu ha), gồm: 0,59 triệu ha lúa đông-xuân (1985: 0,49 triệu ha) và 0,594 triệu ha mùa (1985: 0,52 triệu ha). Năng suất lúa đông xuân tăng lên 61,3 tạ/ha (1986: 38 tạ/ha), lúa mùa 48,3 tạ/ha (1986: 22 tạ/ha). Tổng sản lượng lương thực năm 2003 đạt 6,783 triệu tấn (1986: 3,23 triệu tấn). Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 22.209 tỷ đồng (giá 1994).

* Phát triển đa dạng hóa cây trồng nông nghiệp: Phát triển thủy lợi đã tạo điều kiện hình thành và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi, nâng chỉ số quay vòng ruộng đất từ 1,4 lên 3 lần. Giá trị sản lượng nông nghiệp trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp tăng từ 13,5 triệu đồng/ha (1995) lên 17,5 triệu đồng (2000), hiện có nơi thu hơn 100 triệu đ/ha.

* Cấp nước cho sinh hoạt và các ngành công nghiệp, dịch vụ ngày càng có vị trí quan trọng trong mục tiêu-nhiệm vụ phát triển thủy lợi. Tỷ lệ dân cư nông thôn được cấp nước sạch ngày càng tăng.

* Các công trình thủy lợi đã tạo thêm mặt nước, tạo nguồn cấp nước ngọt cho nuôi trồng

thủy sản, đưa diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản năm 2003 khoảng 77 nghìn ha (1986 có 36,5 nghìn ha), sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 159.981 tấn, tổng giá trị sản xuất thủy sản 2053 tỷ đồng (giá 1994).

* Sự phát triển các giải pháp tiêu thoát nước và phòng chống lũ bảo đã bảo vệ hàng chục triệu dân và hàng trăm nghìn ha đất canh tác, tổn thất về người và tài sản do bão lũ gây ra được giảm thiểu và môi trường sinh thái được cải tạo tốt...

* Thủy lợi đã góp phần rất lớn phân bố lại nguồn nước tự nhiên theo chiều hướng có lợi cho sản xuất và sinh hoạt: tăng nguồn nước ngầm, điều hoà dòng chảy, tăng độ ẩm, tăng nguồn nước về mùa khô, giảm lũ về mùa mưa, là biện pháp cơ bản để cải tạo tưới tiêu hợp lý, cải tạo chua mặn...

IV. ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI KHCN TRONG THỜI GIAN TỚI

Thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ đã nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội đến năm 2010 được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Chiến lược phát triển thủy lợi giai đoạn đến năm 2020, KHCN thủy lợi phục vụ có hiệu quả ở ĐBSH, cần tiếp tục tăng cường vào các lĩnh vực chính sau:

1. Điều tra cơ bản về địa hình, dòng chảy, chất lượng, ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng chua mặn.
2. Quản lý nguồn nước chống ô nhiễm do các nguồn thải từ các khu công nghiệp, đô thị, hóa chất nông nghiệp...
3. Nghiên cứu nâng cao chất lượng cảnh báo, dự báo dòng chảy, dự báo lũ, triều, mặn...
4. Nghiên cứu, xây dựng quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi thủy điện phục vụ đa mục tiêu có hiệu ích tối ưu, trong đó có vận hành liên hồ thượng lưu.
5. Nghiên cứu đánh giá thực trạng, dự báo diễn biến lòng bãi sông, cửa sông, bờ biển, các giải pháp chính trị, bảo vệ.
6. Công nghệ vật liệu xây dựng mới; phương pháp, công nghệ thăm dò, đánh giá chất lượng công trình, biện pháp gia cố nền và thân công trình.
7. Các giải pháp, công nghệ kiến cố hóa, hiện đại hóa các hệ thống thủy lợi để nâng cao hiệu quả phục vụ.
8. Công nghệ tưới, tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp.
9. Cơ chế, tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi để nâng cao hiệu quả phục vụ của các hệ thống.
10. Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng và phát triển các phần mềm tin học trong mọi lĩnh vực tài nguyên nước và phát triển thủy lợi.

(Trích báo cáo tại Hội nghị KHCNTL 2005)

KIỂM TRA CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO BA TỈNH HÀ NAM - NAM ĐỊNH - NINH BÌNH TỪ NGÀY 19/5/2005 ĐẾN NGÀY 24/5/2005

(Viện Quy hoạch Thủy lợi)

Inspection Of Prevention And Mitigation Measures Against Flood And Inundation In Ha Nam, Nam Dinh And Ninh Binh Provinces From 19 To 24 May 2005

Pursuant to the Decision No. 1287 QĐ-BNN-PCLB by Minister of Agriculture and Rural Development dated April 14, 1999 on assigning leaders of the ministerial bodies to supervise and speed up dike protection, flood control and mitigation, Institute of Water Resources Planning (IWRP) is assigned to inspect and speed up those activities in Ninh Binh, Nam Dinh and Ha Nam province. On May 19 to 24, 2005, an IWRP mission was fielded to the provinces. The mission comprised Mr. Vu Hong Chau, Deputy Director of IWRP as team leader, Mr. Truong Trong Luat, Chief of the Water Resources Planning for the Northern Region and Mr. Ha The Dinh, a staff of the Water Resources Planning for the Northern Region

Chấp hành quyết định số 1287 QĐ-BNN-PCLB ngày 14/4/1999, quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phân công Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ kiểm tra, đôn đốc công tác hộ đê, phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, Viện Quy hoạch Thủy lợi (Viện QHTL) được phân công kiểm tra đôn đốc ba tỉnh Ninh Bình, Nam Định và Hà Nam. Từ ngày 19/5/2005 đến ngày 24/5/2005, Viện QHTL đã thực hiện đợt 1 đi kiểm tra đôn đốc công tác hộ đê, phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai của 3 tỉnh. Thành phần đoàn công tác gồm có ông Vũ Hồng Châu, Phó Viện trưởng Viện QHTL - Trưởng đoàn, ông Trương Trọng Luật, trưởng phòng Quy hoạch Bắc Bộ và ông Hà Thế Dinh, kỹ sư Phòng Quy hoạch Bắc Bộ.

Đoàn đã làm việc tại các tỉnh Hà Nam ngày 19 và 20 tháng 5 năm 2005, Nam Định ngày 21 và 22 tháng 5 năm 2005, và Ninh Bình ngày 23 và 24 tháng 5 năm 2005.

Tại Hà Nam, đoàn đã làm việc với BCH PCB tỉnh gồm các ông Nguyễn Trí Ngọc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Phó Trưởng ban chỉ huy thường trực PCB tỉnh, Nguyễn Văn Hồng - Chi cục trưởng Chi cục PCB & QLĐĐ, Chánh văn phòng BCH PCB tỉnh, và ông Hương - Phó Chi cục trưởng PCB & QLĐĐ.

Đoàn đã nghe ông Nguyễn Văn Hồng báo cáo công tác PCB của tỉnh năm 2005. Sau khi nghe báo cáo, Đoàn cùng với Ban Chỉ huy PCB tỉnh đi kiểm tra khảo sát thực địa tuyến đê tả Đáy: Cống Phú Lý (thị xã Phú Lý), Kè Tháp (thị trấn Kiến Khê, H.Thanh Liêm), Kè Đức Hoà (xã Thanh Tân, H. Thanh Liêm), đê hữu Hồng, cống Vũ Xá (xã Đạo Lý, H. Lý Nhân). Kho dự trữ vật tư phục vụ công tác PCB xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân.

Tại Nam Định, đoàn đã làm việc với Ban Chỉ huy PCB tỉnh gồm các ông Trần Đình Cao - Giám đốc Sở NN & PTNT, Phó Ban Chỉ huy PCB tỉnh, Bùi Sỹ Sơn - Phó Giám đốc Sở NN & PTNT, Đỗ Văn Khánh - Chi Cục trưởng Chi

cục PCLB & QLĐĐ, Đặng Ngọc Thắng - Phó Chỉ huy trưởng Chỉ cục PCLB & QLĐĐ, cùng các chuyên viên khác.

Đoàn đã nghe ông Đỗ Văn Khánh báo cáo tổng kết công tác phòng chống lụt bão tỉnh năm 2004 và công tác chuẩn bị PCLB và tìm kiếm cứu nạn năm 2005, quyết định thành lập ban chỉ huy PCLB tỉnh và quyết định phân công trách nhiệm của các thành viên trong ban chỉ huy PCLB, công tác kiểm tra đề điều trước mùa lũ bão, tiến độ tu bổ củng cố đê điều, triển khai phòng chống lụt bão và phương án hộ di tản toàn tuyến trong mùa mưa bão năm 2005. Sau khi nghe báo cáo, Đoàn cùng với BCH PCLB tỉnh đi khảo sát thực địa tại tuyến đê hữu Hồng, tuyến đê biển Giao Thủy, tuyến sông Đáy.

Tại Ninh Bình, đoàn đã làm việc với các ông: Vũ Văn Tâm - Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Phó ban thường trực ủy ban PCLB, Bùi Xuân Thịnh - Phó Giám đốc Sở NN & PTNT, Vũ Nam Tiến - Chỉ huy trưởng PCLB & QLĐĐ, Nguyễn Văn Cao và ông Hồng - Phó Chỉ huy trưởng PCLB & QLĐĐ.

Đoàn đã nghe ông Vũ Nam Tiến báo cáo về công tác chuẩn bị PCLB của tỉnh năm 2005 với nội dung tổng kết công tác phòng chống lụt bão năm 2004, phương hướng nhiệm vụ phòng chống lụt bão năm 2005, báo cáo đánh giá hiện trạng đề điều trước lũ năm 2005, quyết định thành lập BCH PCLB tỉnh và quyết định phân công các thành viên trong BCH PCLB, phương án cứu trợ nhân dân vùng bị bão lũ và phân lũ năm 2005... Sau khi nghe báo cáo, đoàn cùng các đồng chí lãnh đạo BCH PCLB tỉnh đi kiểm tra khảo sát thực địa: tuyến đê tả Hoàng Long tại (K18 ÷ K21), kè Đồng Xuân (xã Gia Xuân, huyện Gia Viễn), đê hữu Đáy: Kè Ngòi Quyền tại K 51.6 - K52.6 và K 52.85 - K53, cống Tiên Hoàng, tuyến đê sông Vạc tại K24.5 - K27. Đoàn cũng đã kiểm tra một số điểm vi phạm hành lang thoát lũ: Bãi vật liệu xây dựng đầu cầu Non Nước.

Sau đợt công tác kiểm tra, đơn đốc công tác hộ di tản, phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai tại 3 tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình, Viện Quy hoạch thủy lợi nhất trí với những kiến nghị của các địa phương đề xuất với Bộ NNPTNT về một số hạng mục đầu tư cụ thể của các tỉnh, cũng như một số giải pháp kỹ thuật phục vụ công tác phòng, chống lụt, bão. Viện cũng có một số ý kiến chung như sau:

- Ba tỉnh đã chủ động triển khai mọi công việc phục vụ công tác phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai năm 2005 và sẵn sàng ứng phó với mọi tình hình trong mùa mưa lũ với khả năng tối đa của địa phương.

- Các tỉnh đã sớm tổng kết công tác phòng chống lụt bão năm 2005. Trên cơ sở đánh giá chất lượng đê, kè công trước mùa lũ bão đã xác định được các khu vực trọng điểm và có phương án bảo vệ, chuẩn bị lực lượng xung kích, vật tư dự trữ.

* Một số kiến nghị:

- Về vi phạm pháp lệnh đề điều đề nghị các tỉnh chỉ đạo chính quyền các địa phương phối hợp với các cơ quan chuyên ngành sớm giải tỏa các vi phạm hành lang bảo vệ đê, lòng dẫn... để bảo đảm an toàn cho đê điều và bảo đảm việc thoát lũ lòng dẫn.

- Các tỉnh cần sớm chuẩn bị công tác tập huấn, diễn tập PCLB.

- Đề nghị các tỉnh có bố trí hành đúng quy định của Bộ, cao trình đê bồi chỉ được chống với mực nước lũ dưới bảo động 2 để bảo đảm thoát lũ lòng dẫn.

- Trong mùa mưa lũ nếu đề, kè, cống có diễn biến phức tạp cần báo cáo ngay với Bộ và Viện Quy hoạch Thủy lợi.



Duy tu bảo dưỡng công Phú Lý (Hà Nam) trước mùa mưa bão



Kè Công Chùa huyện Giao Thủy (Nam Định) bị sạt lở



Kè Ngòi Quyền trên sông Đáy đang sạt lở

THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THỦY LỢI ỨNG DỤNG VÀO HÀ NAM PHỤC VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN VÀ CÁC NGÀNH KINH TẾ QUỐC DÂN

Đặng Xuân Khánh - Chỉ huy trưởng Chỉ cục Thủy lợi Sở NN và PTNT tỉnh Hà Nam

Achievements Of Application Of Water Resources Science And Technology In Ha Nam Province Serving Agricultural And Rural Development And Other Economic Sectors

Ha Nam is one of the provinces in the Red River Delta. It possesses a natural surface of 85,164 ha including 52,050 ha of agricultural lands of which 36,500 to 37,000 ha of paddy. Thanks to development of water resources science and technology as well as important investments by the Government, Ha Nam has relatively large hydraulic systems that have helped to increase the cropping intensity from 1 crop a year in 1960s to 2 crops a year since 1975. Suitable irrigation and drainage measures have contributed to raise paddy yields from 3.5 to 4 tons per ha per year in 1980s to present 10 to 12 tons per ha per year. Application of water resources science and technology has not only contributed to agricultural and rural

development but also to the economic development, livelihood improvement, and social and political stability in the region in general.

Là một tỉnh đồng bằng chiêm trũng thuộc lưu vực sông Hồng, Hà Nam có tổng diện tích tự nhiên 85.164 ha, diện tích đất nông nghiệp 52.050 ha; trong đó diện tích đất trồng lúa hàng năm từ 36.500 đến 37.000 ha. Nhờ sự phát triển của khoa học công nghệ trong công tác thủy lợi với đầu tư xây dựng của Nhà nước, Hà Nam có hạ tầng cơ sở hệ thống công trình thủy lợi tương đối quy mô và sớm nên từ chỗ cấy một vụ trong những năm 60, nông dân Hà Nam đã có thể cấy 2 vụ vào năm 1975. Những biện pháp tưới tiêu hợp lý đã góp phần đưa năng suất lúa từ 3,5-4,0 tấn/ha/năm những năm 1980 đến nay đã đạt 10-12 tấn/ha/năm, cánh chiêm khô mùa thu không còn. Đặc biệt là từ những năm 1985 trở lại đây cùng với sự phát triển KHCN trong mọi lĩnh vực, việc áp dụng KHCN vào lĩnh vực thủy lợi không những góp phần đưa năng suất cây trồng lên cao, mà còn đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của các ngành kinh tế khác góp phần tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, và ổn định chính trị xã hội trong khu vực. Kết quả áp dụng KHCN thủy lợi vào từng mảng lĩnh vực cụ thể như sau:

1- Trong công tác quy hoạch: Trong những năm 70 do khoa học kỹ thuật còn hạn chế về nhiều mặt, quy hoạch còn mang tính chất manh mún theo từng vùng, theo khu vực và chủ yếu là quy hoạch phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hầu hết các vùng quy hoạch có hệ số tưới, tiêu thấp (tưới 0,81l/s/ha, tiêu 2,91 l/s/ha). Việc quy hoạch mang tính chất thủ công dựa vào kinh nghiệm kết hợp với tính toán lý thuyết có sai số lớn dẫn đến tình trạng đa số công trình xây dựng phát huy hiệu quả thấp.

Từ năm 1986 trở lại đây công tác quy hoạch thủy lợi đã mang tính chiến lược của từng lưu vực sông. Quy hoạch lưu vực đã gắn kết và phù hợp với quy hoạch phát triển của từng vùng, miền... Các phương tiện hiện đại (ảnh hàng không, máy móc đo đạc hiện đại độ chính xác cao) được áp dụng trong khảo sát phục vụ quy hoạch tổng thể. Trong tính toán, kinh nghiệm thực tế được kết hợp với áp dụng các mô hình công cụ hiện đại trong nước và trên thế giới. Nhờ đó, chất lượng quy hoạch hiện nay đã được nâng lên rõ rệt, đã có sự kế thừa và phát triển các quy hoạch đã có cho phù hợp với quy hoạch chung trong lưu vực, nhờ đó hiệu quả công trình cũng được nâng lên.

2- Trong công tác thiết kế và thi công: Việc áp dụng các tiến bộ KHCN vào thiết kế và thi công các công trình thủy lợi ngày càng phổ biến. Máy vi tính, phần mềm tin học để thiết kế đang được trung tâm tư vấn NN&PTNT áp dụng rộng rãi thay thế các bản vẽ thủ công trước đây. Việc áp dụng công nghệ mới, lựa chọn các phương án tối ưu cũng ngày càng hoàn thiện vì dụ như việc thay thế các máy bơm trục ngang, trục xiên sang máy bơm hướng trục đứng để vận hành hiệu quả cao thích ứng với điều kiện địa hình có chênh lệch mực nước bề hất và bề xả lớn: như trạm bơm Quê 1, Quê 2, TB Giáp Ba huyện Kim Bảng, TB Đổng Du, TB An Đô huyện Bình Lục...

Máy móc thay thế sức người đã từng bước được áp dụng trong thi công như đóng cọc bằng búa máy, máy nén thủy lực để ép cọc xử

lý móng, máy ủi, đầm, xúc và chuyển vật liệu hoàn toàn bằng cơ giới đã được áp dụng cho công trình đường sơ tán Khả Phong Tam Trúc, máy xúc, tàu hút bùn để nạo vét kênh mương Như Trác, Long Xuyên - Lý Nhân, S17-Bình Lục, hệ thống giếng kim để xử lý cát dún, cát chảy trong thi công hồ móng công trình đã áp dụng cho trạm bơm Nhân Hoà huyện Lý Nhân.

Nhiều vật liệu mới đã được nghiên cứu, áp dụng phục vụ kiên cố hoá kênh mương, hay thay thế các vật liệu cũ làm tăng tuổi thọ công trình.

Công tác quản lý chất lượng công trình đã được trang bị dụng cụ, áp dụng khoa học công nghệ như máy siêu âm trong bê tông cốt thép, súng bắn cường độ bê tông, lấy mẫu xác định dung trọng đất đắp, phân tích 17 chỉ tiêu cơ lý của đất đá thực hiện tại các đơn vị trong tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát nâng cao chất lượng công trình.

3. Trong công tác quản lý khai thác: Tỉnh Hà Nam có ba công ty khai thác công trình thủy lợi là: Nam Hà Nam, Kim Bảng và Duy Tiên. Kể từ năm 1985 đến nay, đặc biệt từ 1995 đến nay các công ty KTCTTL đã ngày càng được hiện đại hoá, hệ thống thông tin liên lạc đã được trang bị đến cụm, các trạm bơm để phục vụ công tác điều hành nhanh chóng, chính xác. Các hệ thống công đầu mới cũng hầu hết được điện khí hoá máy đóng mở. Chương trình điều hành đã và đang được ứng dụng phần mềm tin học, quản lý dữ liệu hồ sơ trong máy vi tính. Qua thực tế kết hợp tính toán các công ty KTCTTL đã ngày càng hoàn thiện quy trình vận hành hệ thống một cách khoa học có phân vùng tưới, tiêu riêng biệt, kết hợp điều tiết hồ trợ chung trong hệ thống, đảm bảo chủ động tưới tiêu trong mọi điều kiện thời tiết.

Cho đến nay toàn tỉnh đã kiên cố hoá được 324km kênh tưới trên tổng số gần 2000km kênh các loại. Một số trạm bơm lớn như TB Hữu Bị đã được trang bị máy vớt rác tự động, đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của trạm bơm.

Việc điều tiết hồ Hoà Bình, Thác Bà một cách hợp lý, khoa học nâng cao đầu nước vào các tháng mùa kiệt đặc biệt đầu vụ đóng xuân 2003-2004 và 2004-2005 vừa qua đã tạo điều kiện thuận lợi về nước tưới cho các địa phương hạ du đồng bằng sông Hồng gieo cấy kịp thời vụ và phục vụ dân sinh là một thắng lợi lớn trong công tác thủy lợi.

4. Những định hướng trong giai đoạn tiếp theo

-Tiếp tục rà soát quy hoạch, nâng cao hệ số tưới, tiêu phục vụ đa mục tiêu, đa ngành. Có quy hoạch chi tiết, xây dựng mô hình tưới, tiêu nước liên hoàn phục vụ đa canh, chuyển đổi cây trồng, xây dựng cánh đồng 50 triệu/ha

-Hoàn thiện hệ thống kênh mương theo chương trình kiên cố hoá kênh mương tiến tới xây dựng hệ thống phân phối và điều tiết nước tự động.

-Xây dựng hoàn chỉnh phần mềm công tác điều hành tưới tiêu trên mạng máy vi tính, xây dựng bản đồ kỹ thuật số trong công tác quản lý.

-Áp dụng các biện pháp tưới, theo nhu cầu nước của từng loại cây trồng, phục vụ tốt việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng.

-Xây dựng các mô hình nông dân tham gia quản lý nước tiến tới giao các công trình nhỏ cho cá nhân hoặc các HTX dịch vụ quản lý khai thác tiến tới việc cổ phần hoá các doanh nghiệp KTCTTL.

5. Kiến nghị

Trong giai đoạn tiếp công tác quy hoạch thủy lợi

phải gắn kết chặt chẽ hơn nữa với quy hoạch phát triển tổng thể của các ngành kinh tế quốc dân phù hợp với hiện tại và tương lai. Đặc biệt vai trò của khoa học công nghệ được áp dụng vào thực tế nhiều hơn nữa để phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với mục tiêu của công cuộc CNH, HĐH phát triển nông nghiệp nông thôn. Để đạt được điều đó, UBND tỉnh Hà Nam có một số kiến nghị như sau:

- Đề nghị Nhà Nước cấp ngân sách hàng năm sớm để xây dựng hoàn thiện công trình theo quy hoạch đã được phê duyệt như công Tác Giang, trạm bơm Kinh Thanh II, Lạc Tràng II đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế.

- Đề nghị Bộ NNPTNT đầu tư kinh phí xây dựng mô hình điểm hệ thống phân phối nước tự động, cụ thể là kiên cố hoá hệ thống kênh cấp 2 trong tỉnh như: kênh C1, C2, C9... hệ thống Như Trác và đầu tư hệ thống thiết bị phân phối nước tự động ở các công đầu mỗi kênh cấp II hệ thống Như Trác từ đó nhân ra diện rộng.

- Hỗ trợ thiết bị cho các công ty KTCTTL xây dựng hệ thống điều hành tưới tiêu trên máy vi tính để nâng cao hiệu quả điều hành hệ thống.

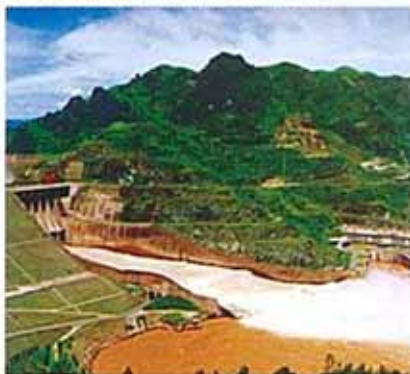
- Tổ chức hội thảo khoa học hàng năm để phổ biến, cập nhật công nghệ mới trong lĩnh vực thiết kế, thi công, quản lý KTCTTL cho các đơn vị địa phương./

HỒ HOÀ BÌNH ĐÃ THOÁT HIỂM

Hoa Binh reservoir out of the risk

(Theo thông tấn xã Việt Nam ngày 6/6/2005)

14 days of operation under the dead water level are now over at the Hoa Binh hydropower Plan. The drought period caused serious difficulties in power generation of the plant, as consequence electricity supply unexpectedly cut off in days in the North Region. Although the in-flows are rather abundant, electricity saving still remains an essential measure in this situation.



Trạm thủy văn Nhà máy thủy điện Hoà Bình cho biết vào chiều ngày 5/6, mực nước hồ thủy điện Hoà Bình đã đạt 80.01m, lần đầu tiên sau 14 ngày nhích qua mức nước chết được 0.1m.

"Năm 1997, nước hồ cũng xuống tới 75m, nhưng chỉ trong vài ngày là lũ về, nước nhanh chóng lên hàng mét. Gần 20 năm công tác trong nghề, đây là năm hạn hán kéo dài nhất mà tôi từng chứng kiến" - Ông Đỗ Quang Trường, nhân viên Phòng Trục nước thượng lưu nhà máy Thủy Điện Hoà Bình nói.

Nước hồ vượt qua mức nước chết là thông số quan trọng cho thấy nhà máy thủy điện Hoà Bình có thể hoạt động với công suất lớn hơn, giải cứu tình trạng thiếu điện cho toàn miền Bắc.

Do mực nước hồ Hoà Bình đã tăng lên nên hiện nay tình hình sản xuất điện tại Nhà máy thủy điện Hoà Bình được cải thiện đáng kể, các tổ máy sẽ hoạt động ổn định, hiệu quả hơn. Với mực nước này, thủy

điện Hoà Bình có thể chạy cả 8 tổ máy vào giờ cao điểm. Theo thông tin từ Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, khi mực nước lên trên 80m mà nước về nhiều sẽ rất thuận lợi cho vận hành của nhà máy thủy điện Hoà Bình, lưới điện quốc gia sẽ được đảm bảo vững chắc hơn, những sự cố bất thường có thể chủ động đề phòng được.

NGHỊ ĐỊNH SỐ 34/2005/NĐ-CP QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Trích Công báo số 20 ngày 23/3/2005)

Decree No. 34/2005/ND-CP on penalties for administrative violations in the water resources sector

On request by Minister of Natural Resources and Environment, Prime Minister Phan Van Khai signed on March 17, 2005 the Decree No. 34/2005/ND-CP of the government on penalties for administrative violations in the water resources sector. The Decree stipulates in details all contents relating to penalties for administrative violations in the water resources sector. The Decree is comprised of 5 Chapters with 28 Articles.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, ngày 17/3/2005 Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải ký Nghị định số 34/2005/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước. Nghị định này quy định chi tiết những nội dung liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến tài nguyên nước với 5 chương và 28 điều.

- **Chương I.** Những quy định chung, bao gồm 7 điều với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

Điều 4. Các tính tiết giảm nhẹ, tính tiết tăng nặng

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt

Điều 7. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

- **Chương II.** Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, hình thức xử phạt và mức phạt, bao gồm 9 điều:

Điều 8. Vi phạm trong việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không có giấy phép theo quy định của pháp luật

Điều 9. Vi phạm quy định của giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

Điều 10. Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi cho mượn, cho thuê, chuyển nhượng, sửa chữa nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

Điều 11. Sử dụng giấy phép đã quá hạn

Điều 12. Vi phạm quy định về hành nghề khoan nước dưới đất

Điều 13. Gây hư hại các phương tiện, công trình, thiết bị trong hệ thống lưới trạm điều tra cơ bản tài nguyên nước

Điều 14. Vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về tài nguyên nước

Điều 15. Cản trở hoạt động quản lý nhà nước

về tài nguyên nước

Điều 16. Các vi phạm khác trong lĩnh vực tài nguyên nước

- **Chương III.** Thẩm quyền, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, bao gồm 7 điều:

Điều 17. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp xã

Điều 18. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện

Điều 19. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp tỉnh

Điều 20. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường

Điều 21. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

Điều 22. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép

Điều 23. Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện và xử lý tang vật, phương tiện

-**Chương IV.** Khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm, bao gồm 3 điều với các nội dung sau:

Điều 24. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Điều 25. Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước

Điều 26. Xử lý vi phạm đối với người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước

-**Chương V.** Điều khoản thi hành, bao gồm 2 điều:

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Điều 28. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

CHỈ THỊ SỐ 12/2005/CT-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO VÀ TÌM KIẾM, CỨU NẠN NĂM 2005

(Trích Công báo số 13 ngày 16/4/2005)

Instruction No. 12/2005/CT-TTg by Prime Minister on prevention and control of inundation and floods, and search and rescue in 2005.

On April 8, 2005, Prime Minister Phan Van Khai issued an instruction on prevention and control of inundation and floods, and search and rescue in 2005. According to this instruction, central ministries and agencies such as the Central Steering Committee for inundation and flood prevention and control, the National Committee for Search and Rescue, Ministries of National Defense, Transport, Agriculture and Rural development, and Natural Resources and Environment, Radio of Vietnam and Television of Vietnam as well as People's Committees of provinces and cities have responsibilities to fulfill their tasks as assigned in the Decision No. 63/2002/QĐ-TTg on May 20, 2002 by the Prime Minister on prevention and control of inundation and floods.

Ngày 8/4/2005 Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã ra chỉ thị về công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm, cứu nạn năm 2005. Để chủ động phòng chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn với phương châm "chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả", hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do bão, lũ và các sự cố, tai nạn có thể xảy ra trong mùa mưa bão, nhất là thiệt

hại về người, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2005, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các Bộ, ngành Trung ương (Ban chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương, Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn, Bộ Quốc phòng, Bộ NNPTNT, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Đài tiếng nói Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương) và chính quyền địa phương các cấp tổ chức thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 63/2002/QĐ-TTg ngày 20/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống lụt, bão giảm nhẹ thiên tai.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VỀ VIỆC THÀNH LẬP BAN QUẢN LÝ QUY HOẠCH LƯU VỰC SÔNG VU GIA - THU BỒN

(Trích Công báo số 21 ngày 28/4/2005)

Decision of Minister of Agriculture and Rural Development on establishment of the Vu Gia-Thu Bon RBO

On April 13, 2005, Minister of Agriculture and Rural Development, Mr. Cao Duc Phat signed the Decision No. 20/2005/QĐ-BNN regarding establishment of the Vu Gia-Thu Bon RBO. This Vu Gia-Thu Bon RBO is to manage the river basin planning pursuant to Article 64 of the Law on Water Resources. The decision comprises 5 Articles.

Ngày 13/4/2005 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cao Đức Phát đã ký quyết định thành lập Ban Quản lý quy hoạch lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi và Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ. Ban Quản lý quy hoạch lưu vực sông Vu Gia-Thu Bồn sẽ thực hiện nội dung quản lý quy hoạch lưu vực sông theo Điều 64 của Luật Tài nguyên nước.

HỘI THẢO PIM/RDS CỦA DỰ ÁN THỦY LỢI LƯU VỰC SÔNG HỒNG

GIẢI ĐOẠN 2 (ADB3)

PIM/RDS Workshops of the 2nd Red River Basin Project (ADB3) Do Son 19 - 20 May 2005



On 19 - 20 May/2005, workshops on Participatory Irrigation Management and Rural Development Support in the ADB3

project were organized by ADB in coordination with the Water Resources Department and the Central Project Office (MARD). These workshops are on two important activities supported by ADB.

Ngày 19 - 20/5/2005, tại Đồn Sơn, Ngân hàng Phát triển châu Á phối hợp với Cục Thủy lợi và CPO (Bộ NNPTNT) tổ chức hội thảo về "Tiến hành quản lý tưới có sự tham gia của nông dân (PIM)" và "Hỗ trợ Phát triển nông thôn (RDS) trong các tiểu dự án của ADB3". Phần B. Hai hội thảo này được tổ chức trước chuyên công tác kiểm tra giữa kỳ của ADB và những kết luận của đoàn công tác sẽ trợ giúp cho việc quyết định định hướng tương lai của hai hoạt động quan trọng này do ADB trợ giúp.

Tại hội thảo về PIM, sau các bài tham luận của TS. Phạm Xuân Sử, TS. Nguyễn Đình Ninh, ông Nguyễn Xuân Tiếp và Nguyễn Văn Sỹ, các đại biểu đã thảo luận về những thách thức và hạn chế trong thực hiện PIM và kiến nghị một cách tiếp cận mới về PIM. Cuối hội thảo, các đại biểu đã nhất trí rằng (i) PIM là một bộ phận trong các tiểu dự án của phần B, (ii) trách nhiệm thực hiện PIM sẽ chuyển từ CPO sang Cục Thủy lợi và từ các Ban thực hiện dự án sang các Công ty Thủy nông (iii) các tư vấn của phần A5 sẽ giúp xây dựng hướng dẫn và lập đề cương cho các tư vấn để giúp: (a) Cục Thủy lợi hỗ trợ các Công ty thủy nông và (b) các Công ty Thủy nông hỗ trợ các Tổ chức dùng nước trong việc thích nghi và thực hiện cách tiếp cận mới cho PIM theo đề xuất của ADB.

TÓM TẮT BÁO CÁO KHỞI ĐẦU CỦA DỰ ÁN THỦY LỢI SÔNG HỒNG - GIAI ĐOẠN 2

Phần A: Quản lý Nguồn nước

Summary of the Inception Report of the 2nd RRBP

Part A: Water Resources Management

The Report presents results in the inception phase of the 5 components of the project, i.e., IWRM in Cau sub-basin, Flood Management in the Delta, Water Management in uplands, Water Quality Monitoring for Nhue river, and Capacity building for the RRBO. Follow-up activities for each components are also discussed in details in the report.

Kết quả của Bước khởi đầu và Phương pháp tiếp cận cho Bước 2: Các hợp phần 1, 3 và 4 đã tổ chức hội thảo ngày 9, 23 và 18/3. Hợp phần 2 đã chọn một tiếp cận khác đối với sự tham gia của các bên tham gia và xác định vấn đề. Kết quả của từng hợp phần trong bước khởi đầu và tiếp cận thêm cho bước 2 và 3 của giai đoạn 2 được tóm tắt như sau:

HỢP PHẦN 1: QLHTNN ở TLV sông Cầu

Giai đoạn 2 đã được chia thành nhiều hoạt động và 3 bước. Nhiệm vụ chính của bước khởi đầu là nâng cao năng lực cho TBQLQHTLV sông Cầu. Mục tiêu chung của hợp phần này là cung cấp khung tổng hợp cho các hoạt động, cụ thể như sau: i) xây dựng một kế hoạch sơ bộ thống nhất của lưu vực và các hành động liên tỉnh có sự tham gia của cộng đồng và hướng tới nâng cao năng lực cho cấp tỉnh và TBQLQHTLV; ii) xây dựng các giải pháp can thiệp mang tính ưu tiên cao và thực tế để thực hiện trong giai đoạn 3 của dự án; và iii) hỗ trợ và tạo điều kiện để TBQLQHTLV sông Cầu trong việc quy hoạch QLHTNN.

Trong bước 2 của giai đoạn 2 sẽ nghiên cứu các phương án một cách riêng biệt hoặc phối hợp với các bên tham gia thuộc quá trình xây dựng chiến lược bố sung và kế hoạch lưu vực thống nhất. Mục tiêu chính của bước 2 sẽ là: i) Xem xét các vấn đề thiếu nước và QLHTTNN cũng như các giải pháp khả thi chi tiết hơn đối với TLV sông Cầu; và ii) Hỗ trợ thành lập TBQLQHTLV sông Cầu. Để đạt được những mục tiêu đó, 10 hành động cụ thể cũng đã được thống nhất cho bước 2.

Bước 3 của dự án nhằm đạt được thoả thuận về kế hoạch lưu vực sơ bộ và các giải pháp can thiệp được ưu tiên cao để thực hiện trong giai đoạn 3. Trong bước 2 và 3 hợp phần sông Cầu sẽ thực hiện một dự án thí điểm về viễn thám và theo dõi hạn.

HỢP PHẦN 2: Quản lý lũ ở Đồng bằng

Hoạt động của Hợp phần 2 nhằm mục đích hỗ trợ Văn phòng BQLQHLV sông Hồng-Thái Bình, Bộ NN&PTNT và Ban TTPCLBTW nâng cao công tác quản lý lũ chiến lược, thực hiện phối hợp chặt chẽ với Chuyên gia Phòng chống lũ của phần B. Hợp phần này sẽ có các hoạt động như sau: (2.1) Đánh giá rủi ro do lũ gây ra; (2.2) Xói lở bờ sông và Chính trị sông; (2.3) Quản lý lũ cực trị; (2.4) Dự báo lũ; và (2.5) Quy hoạch phát triển.

Về đánh giá rủi ro lũ: Đã áp dụng một ĐGRRL nhanh cho các hệ thống Liên Sơn và Bắc Đuống. ĐGRRL được thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ của Cục đề điều và các Chi cục PCLB của tỉnh Vinh Phúc, Hà Nội và Bắc Ninh từ ngày 6 đến 9/12/2004.

Về xói lở bờ sông và chính trị sông: Đã đánh giá ban đầu tình hình nghiêm trọng của xói lở bờ sông và các yêu cầu về chính trị sông thông qua nghiên cứu số liệu và thực địa dọc sông Hồng. Tuy nhiên cần xác định một chiến lược lâu dài cho toàn bộ dòng sông vì phương pháp tiếp cận hiện nay để bảo vệ cục bộ các bờ sông đe dọa đến ổn định của đề không phải là một phương pháp tiếp cận hiệu quả. Chiến lược này đề cập đến các tiếp cận phòng chống lũ dự kiến, phát triển hình thái sông lâu dài và tổ chức quản lý sông hiện có.

Về đề xuất "Nâng cao năng lực về Giám xói lở bờ sông ở Việt Nam" của ông K. Pilarczyk cho sông Hồng, đề nghị bước 2 của dự án lập một đoàn nghiên cứu tập trung vào xây dựng các phương pháp tiếp cận yêu cầu. Đoàn nghiên cứu này sẽ không chỉ tập trung vào đánh giá đề xuất của Pilarczyk, mà còn tập trung vào xác định các vấn đề, và soạn thảo các phương pháp tiếp cận để đạt được một chiến lược bao quát về chính trị sông và chống xói lở ở sông Hồng.

Về quản lý lũ cực trị: Trong bước 1 đã thảo luận các quy trình quản lý lũ trước và trong mùa lũ với Cục Đề điều của Bộ NN&PTNT và đề xuất một số phương án về trình tự cho ngập. Dự báo trữ lũ hiện nay để bảo vệ Hà Nội đều tập trung quanh Việt Trì và có một đường phân lũ vào sông Đáy. Hệ thống thủy nông Liên Sơn và Bắc Đuống cũng là một giải pháp lựa chọn để xem xét.

Trong bước 1, các bên tham gia tại cấp tỉnh và huyện đã được xác định và đã tiến hành một khảo sát thí điểm qua khảo sát hộ gia đình, công nghiệp, nông nghiệp và các nhóm tập trung ở cấp xã.

Trong bước 2 sẽ tiến hành đánh giá thiệt hại lũ hữu hình và vô hình cho các khu hiện đang dùng để phân và trữ lũ và ở hệ thống Liên Sơn

và Bắc Đuống, trong các trường hợp có và không có đường phân lũ sang sông Đuống. Kết quả tổng hợp cuối cùng sẽ được thảo luận với những người ra quyết định quản lý lũ cho ĐBSH.

Về dự báo lũ: Mục đích nhằm hỗ trợ các bên tham gia đánh giá tiềm năng và, nếu cần, xây dựng cơ cấu phù hợp để kéo dài thời gian dự báo lũ. Trong bước 1 vị trí của dự báo lũ ở lưu vực sông Hồng được đánh giá qua thảo luận với cán bộ của các chi nhánh KTTV của TTDBKTTVQG, hy vọng sẽ có nhiều cải thiện để nâng cao công tác dự báo và kéo dài thời gian dự báo.

Bước 2 sẽ mở rộng mô hình dự báo dòng chảy sang phân lưu vực trên lãnh thổ Trung Quốc, và sẽ đánh giá các công cụ dự báo, các công trình quan trắc và liên lạc để dự báo lũ trên toàn lưu vực. Cuối cùng, sẽ mở phỏng bằng các chiến lược vận hành, có sử dụng thời gian dự báo kéo dài.

Về quy hoạch phát triển: Hoạt động này sẽ hỗ trợ Văn phòng BQLQHLV sông Hồng-Thái Bình xây dựng thể chế để quy hoạch phát triển có điều phối nhằm giảm thiểu tác động của lũ đối với các công trình mới như đường cao tốc (nhất là nếu bước 2 của ĐGRRL tiếp tục).

Trong bước 2, sẽ chứng minh nhu cầu cần có quy hoạch phát triển tổng hợp thông qua một ví dụ minh họa bằng một phương án là khu vực bắc Hà Nội, hệ thống Liên Sơn và Bắc Đuống là khu phân và trữ lũ. Mô hình mô phỏng sẽ được trình bày và thảo luận trong một hội thảo cho các bên quyết định của các Bộ liên quan.

HỢP PHẦN 3: QLHTTNN ở vùng cao

Hợp phần 3 tập trung vào hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn với các vấn đề ưu tiên ở vùng cao là tưới tiêu, phòng chống lũ/tiểu, và chất lượng nước/môi trường cộng với cấp nước và vệ sinh môi trường như đã xác định trong giai đoạn 1. Phương pháp tham gia thông qua QLHTTNN là trung tâm của hợp phần 3.

Kết quả của giai đoạn 2 sẽ là một kế hoạch đầu tư có thể được thực hiện trong Giai đoạn 3. Để đạt được kết quả trên sẽ trải qua 3 bước: khởi đầu (thử nghiệm ở cấp (làng) xã và huyện để lựa chọn, đánh giá và xếp hạng các tiểu dự án); bước 2, (trao đổi qua lại để đạt sự đồng thuận của các bên tham gia và đánh giá kỹ thuật); bước 3, (tổng hợp các kinh nghiệm về phương pháp luận để xây dựng một mô hình có thể ứng dụng rộng rãi cho vùng cao).

Hội thảo khởi đầu diễn ra ở Bắc Kạn ngày 3/3/2005 với sự tham gia của các bên quyết định và các nhà quản lý ở cấp tỉnh và từ 4 huyện được xem xét ở tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn (Võ Nai, Chợ Đồn, Chợ Mới và Bạch Thông). Hội thảo đã lựa chọn tiểu lưu vực có quy mô 50-100 km² để nghiên cứu tiếp trong bước tiếp theo, thảo luận nhóm để xác định các vấn đề ưu tiên trong QLHTTNN và một loạt các phương án nhằm giải quyết XĐGN, thống nhất về phương pháp xếp hạng nhằm XĐGN, và thiết kế các hoạt động, vai trò và trách nhiệm của giai đoạn 2.

Câu hỏi quan trọng cho Bước 2 là: làm thế nào xây dựng một chiến lược đầu tư vào vùng cao. Trong Bước 3 những thử nghiệm hiện đang xây dựng sẽ là cơ sở để quản lý kiến thức cần thiết cần trong kế hoạch đầu tư hướng đến quá trình tổng hợp và các dự án QLHTTNN có sự tham gia của cộng đồng.

HỢP PHẦN 4: Giám sát chất lượng nước sông Đáy-Nhuệ

Hợp phần QLHTTNN ở TLV sông Đáy-Nhuệ trong bước 1 của giai đoạn 2 tập trung vào thu thập số liệu nhằm mô tả chất lượng nước chi tiết hơn, xác định và thiết lập quan hệ với các bên tham gia quan trọng nhất và bắt đầu xác định các vấn đề được ưu tiên trong các bước sau. Đối với sông Nhuệ, giải pháp lâu dài khả thi nhất là cải thiện công tác xử lý và giảm lưu lượng xả đang được thực hiện. Một giải pháp ngắn hạn có thể là vận hành các cống để đảm bảo ô nhiễm không quá nghiêm trọng và lượng ô xy lúc nào cũng đủ.

Mục đích của dự án này là, phối hợp chặt chẽ với Bộ TNMT nghiên cứu các hệ thống và công cụ để cải thiện chất lượng nước của TLV sông Đáy-Nhuệ.

Trong bước 1 của giai đoạn 2 đã thu thập được tài liệu và thông tin về chất lượng nước, nguồn gây ô nhiễm và tác động. Ngoài ra, đã bố trí các cuộc gặp gỡ với một số bên có thể sẽ tham gia nhiều nhất vào 2 bước sau của hợp phần. Trong các bước sau vẫn cần nhiều cuộc gặp gỡ của chuyên gia và một số chuyên thẩm các tỉnh.

Ngày 18/3/2005, Bộ TNMT, Cục QLTTN đã phối hợp với chuyên gia tư vấn tổ chức hội thảo để thảo luận các khía cạnh của hệ thống sông Nhuệ-Đáy. Theo hội thảo, dự án cần tập trung vào các điểm sau: a) Hỗ trợ thành lập TBQLQHTLV sông Đáy-Nhuệ, b) Giám sát chất lượng nước, bao gồm cả nước thải; và c) Cấp phép và thu phí xả nước thải.

HỢP PHẦN 5: Hỗ trợ cho Văn phòng BQLQHLV sông Hồng-Thái Bình

Về các hoạt động theo kế hoạch nâng cao năng lực cho BQLQHLV sông-Hồng-Thái Bình và Văn phòng Ban, trong bước 1 (Khởi đầu) đã thực hiện các hoạt động sau:

- Cán bộ của Văn phòng Ban được mời tham dự các hoạt động đánh giá các bên tham gia, chuẩn bị và thực hiện Hội thảo khởi đầu và các hoạt động có liên quan;
- Đã xây dựng một trang web cho Dự án Thủy lợi sông Hồng. Trang web này có thể và sẽ được chuyển sang thành trang web của BQLQHLV sông Hồng-Thái Bình khi được phép;
- Ở cấp tỉnh, đã có sự hợp tác và ủng hộ nhiệt tình từ phía các tỉnh nhằm hỗ trợ việc thành lập và hoạt động các TBQLQHTLV. Tuy nhiên, vẫn chưa có quy định pháp lý nào cho việc thành lập các cơ quan như thế này;
- Đã tổ chức một số cuộc họp và thảo luận để khảo sát các phương án hợp tác quốc tế trong Lưu vực sông Hồng, cả ở Việt Nam cũng như Trung Quốc (Bộ Thủy lợi, Bắc Kinh, tháng 12/2004), và các chuyên thẩm trao đổi tới Bắc Kinh cũng như tỉnh Vân Nam;
- Đã thực hiện đánh giá nhu cầu và mong muốn của BQLQHLV sông Hồng-Thái Bình là đi thăm quan các tổ chức quản lý lưu vực sông ở châu Âu.





THỰC TRẠNG CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ VIỆT NAM, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

(Tóm lược từ bài viết của KS. Bùi Đình Khoa - Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu đô thị và phát triển hạ tầng cho Hội nghị Sơ kết 6 tháng năm 2005 của Ban)

The Situation of Water Supply in the Urban Area of Vietnam The Program and Plan for the Infrastructure Building and Development

(Extract from report by Eng. Bui Dinh Khoa - Deputy Director of Institute of Urban Research and Infrastructure Development at the first 6 month summary meeting in 2005 of the RRBO)

During the past few years, the country has been seeing the rapid growth of the economy. The urbanization process is in its fast process. Yet the obsolete urban infrastructure failed to meet the demands of the socio-economic development of the existing urban areas, especially in the field of transport, water supply and drainage and environment sanitation. In order to solve the problems of the big cities and give an impetus to the economy as well as to improve living standards, the Government has approved the Orientations for the Development of water supply and drainage by the year 2020.

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng một cách nhanh chóng. Tỷ lệ GDP của nền kinh tế quốc doanh ngày càng cao. Tốc độ phát triển đô thị ngày càng nhanh, song cơ sở hạ tầng các đô thị còn yếu kém nhất là giao thông, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các đô thị trong giai đoạn hiện nay.

I. Thực trạng về tình hình cấp nước tại các đô thị - Những tồn tại và thách thức

Trong thời gian qua, hệ thống cấp nước các đô thị Việt Nam đã được Đảng, Chính phủ quan tâm ưu tiên đầu tư cải tạo và xây dựng, nhờ vậy tình hình cấp nước đã được cải thiện một cách đáng kể. Tuy nhiên tình hình cấp nước đô thị còn nhiều bất cập:

1. Tỷ lệ cấp nước còn rất thấp: trung bình đạt 45% tổng dân số đô thị được cấp nước.
2. Công suất thiết kế của một số nơi chưa phù hợp với thực tế: Nhiều nơi thiếu nước, nhưng cũng có đô thị thừa nước, không khai thác hết công suất.
3. Tỷ lệ thất thoát thất thu nước còn cao: tại nhiều đô thị tỷ lệ thất thoát thất thu còn cao như Thái Nguyên, Hà Nội, Nam Định, Hà Tĩnh, Vinh...
4. Chất lượng nước: tại nhiều nhà máy chưa đạt tiêu chuẩn quy định, tình trạng nguồn nước ngầm, nước mặt bị ô nhiễm nặng nề ảnh hưởng đến sức khoẻ của nhân dân. Việc chất lượng nguồn nước bị ô nhiễm do nhiều nguyên nhân

gây ra:

- Tình hình khí tượng thủy văn trong những năm gần đây có nhiều biến động phức tạp, tình hình hạn hán, lũ lụt ngày càng nghiêm trọng do hậu quả của hiện tượng phá rừng kết hợp với ENNINO.
- Công tác khảo sát nguồn nước chưa sát với tình hình thực tế, chưa dự báo được những biến động về mặt trữ lượng cũng như về mặt thủy địa hoá.
- Công nghệ xử lý nước tại một số nhà máy nước chưa đồng bộ và hoàn chỉnh.
- Tình hình xả nước thải không qua xử lý ra sông hồ, hàng vạn lỗ khoan mạch nông đang là nguồn gây ô nhiễm cho tầng chứa nước đang khai thác.
- Công tác quản lý khai thác nguồn nước mặt và nước ngầm chưa được các cấp, các ngành quan tâm thích đáng.

5. Cơ chế chính sách ngành nước còn nhiều bất cập, đặc biệt là cơ chế tài chính (giá nước) chưa phù hợp với tình hình Chỉ thị số 40/1998/CT-TTg về việc tăng cường công tác quản lý và phát triển cấp nước đô thị. Hiện nay giá nước sinh hoạt tại các địa phương còn nhiều bất cập, thiếu hợp lý, không công bằng giữa người dân ở các đô thị lớn và nông thôn. Nguyên nhân của tình trạng trên là do:

- Nhận thức của lãnh đạo địa phương còn hạn chế.
- Cơ chế, chính sách tài chính trong cấp nước đô thị còn thiếu hoàn chỉnh và không đồng bộ.
- Nhiều dự án vay của nước ngoài phải trả nợ theo lộ trình tăng giá nước nhưng điều kiện trả nợ lại không khả thi và khó thực hiện.

6. Mô hình tổ chức, quản lý vận hành, đào tạo, nâng cao năng lực ngành nước cũng còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Nhằm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 và Quyết định số 58/2002 ngày 26/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ các Công ty cấp nước sẽ chuyển sang hoạt động kinh doanh. Tháng 11 năm 2004 Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ Đề án cải tiến mô hình tổ chức Ngành nước Việt Nam.

II. Chương trình hành động

Để giải quyết khó khăn cho các đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao mức sống cho nhân dân, vừa qua Chính phủ đã phê duyệt các Định hướng phát triển cấp nước, thoát nước đô thị đến năm 2020. Bộ Xây dựng đã cụ thể hoá trong Chương trình khung nhằm hướng dẫn các địa phương thực hiện.

Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách về cấp nước cho các đô thị, trong những năm qua Bộ Xây dựng đã và đang triển khai:

- Chương trình cấp nước cho các thành phố, thị xã tỉnh lỵ.
 - Chương trình cấp nước cho các thị xã, thị trấn huyện lỵ.
 - Chương trình chống thất thoát thất thu nước.
- Để tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho các đô thị vừa và nhỏ giai đoạn 2001-

2010, Bộ Xây dựng đã có văn bản đề nghị và được Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai chương trình đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho 180 thị xã, thị trấn là huyện lỵ trên cả nước với tổng kinh phí dự kiến khoảng 200 triệu USD.

III. Những đề xuất và kiến nghị

Để thực hiện có hiệu quả các dự án cấp nước đô thị, tránh lặp lại các thiếu sót trong đầu tư, quản lý, vận hành, cần đưa ra các phương thức quản lý đầu tư, vận hành mới phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

1. Công tác tư vấn thiết kế:

Cần lựa chọn các cơ quan tư vấn chuyên ngành có kinh nghiệm và năng lực trong công tác thiết kế các hệ thống cấp nước. Các đơn vị tư vấn phải chịu trách nhiệm về chất lượng hồ sơ thiết kế (báo quản cả kinh tế và kỹ thuật).

2. Quản lý đầu tư:

Qua thực tế nhận thấy, trong giai đoạn hiện nay các Công ty cấp nước địa phương có vai trò quan trọng vì hội đủ các điều kiện như năng lực về tài chính, khả năng quản lý quá trình đầu tư xây dựng cũng như quản lý vận hành hệ thống cấp nước, đảm bảo công trình làm việc ổn định, cấp nước an toàn, liên tục; Công ty cấp nước có trách nhiệm thu hồi vốn đầu tư đồng thời có kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước cho tương lai. Để đáp ứng được nhiệm vụ trên, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần thống nhất giao công tác quản lý, vận hành hệ thống cấp nước đô thị cho một đầu mối đó là Công ty cấp nước Tỉnh.

3. Cơ chế tài chính:

Cơ quan Tài chính và Ngân hàng có trách nhiệm quản lý, hướng dẫn giải ngân và thanh toán trả nợ cho các nhà tài trợ. Công ty cấp nước là đơn vị chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý vận hành hệ thống cấp nước, kinh doanh đủ thu hồi vốn đầu tư và hoàn trả nợ. Hiện nay các Công ty cấp nước được xác định là doanh nghiệp kinh doanh, do vậy cần nghiên cứu sắp xếp tổ chức quản lý phù hợp, đặc biệt là cơ chế tài chính, đảm bảo lấy thu bù chi và tái đầu tư cho sản xuất. Vừa qua, nhằm sửa đổi Thông tư 03/1999 Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư liên tịch số 04/2004 ngày 08/11/2004 về: "Hướng dẫn phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch". Bộ Tài chính cũng đã dự thảo "Khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt" để lấy ý kiến tham gia của các Bộ, Ban, Ngành Trung ương-địa phương, dự kiến cuối quý I/2005 sẽ ban hành.

4. Chương trình sản xuất máy thiết bị, vật tư ngành nước

Nội dung của chương trình này đã được khẳng định trong các văn bản:

- Định hướng cấp nước đô thị đến năm 2020 đã được Chính phủ phê duyệt;
- Chỉ thị số 40/1998/CT-TTg ngày 14/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý và phát triển cấp nước đô thị
- Chiến lược môi trường ngành Xây dựng đến năm 2020.

5. Đào tạo và nâng cao năng lực:

- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật.
- Xây dựng các công ty tư vấn đủ đội ngũ những nhà khoa học có khả năng áp dụng công nghệ mới, tiến tiến trong các dự án cấp nước.

6. Tổ chức thực hiện:

- Chương trình cấp nước cho các đô thị được

triển khai trên quy mô toàn quốc, vì vậy cần tổ chức điều hành tốt công tác quản lý. Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo Công ty cấp nước thực hiện trách nhiệm quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng với yêu cầu an toàn và bền vững hệ thống cấp nước. Chính quyền địa phương cần quan tâm chỉ đạo công tác quản lý, xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước, điều hành mạng lưới đường ống.

- Địa phương cần có chính sách phù hợp để xã hội hoá ngành cấp nước đặc biệt là công tác ghi thu và phân phối nước cho các hộ tiêu dùng. Cần tổ chức, huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế và các tổ chức xã hội.

- Làm tốt công tác khen thưởng và xử phạt hành chính để động viên, khuyến khích, lập lại kỷ cương trong quản lý cấp nước.

(Tóm lược tin của NARBO) ỦY HỘI SÔNG MÊKÔNG KỶ NIỆM 10 NĂM HỢP TÁC

Mekong River Commission celebrates 10 years of cooperation

On 5 April 2005, the Mekong River Commission celebrated the 10th Anniversary of the Signing of the Agreement on the Cooperation for the Sustainable Development of the Mekong River Basin. The Agreement was made between the four countries that share the Lower Mekong Basin: Cambodia, Lao PDR, Thailand and Vietnam in Chiang Rai, Thailand on April 5, 1995. The MRC member countries agreed to work together in all fields of sustainable development, utilization, management and conservation of the water and related resources of the Mekong Basin.

Ngày 5/4/2005, Ủy hội sông Mêkông đã kỷ niệm 10 năm ngày ký Hiệp định Hợp tác về Phát triển bền vững của lưu vực sông Mêkông. Hiệp định lịch sử này được ký kết ngày 5/4/1995 tại Chiang Rai, Thái Lan giữa 4 nước cùng chung hạ lưu vực sông Mêkông là Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam. Theo Hiệp định này, các nước đã nhất trí phối hợp và thúc đẩy hợp tác trên tất cả các lĩnh vực của phát triển bền vững, sử dụng, quản lý và bảo vệ tài nguyên nước và các tài nguyên liên quan của lưu vực Mêkông như là giao thông thủy, chống lũ, thủy sản, nông nghiệp, thủy điện và bảo vệ môi trường. Đồng thời các nước cũng nhất trí sẽ làm việc với nhau để lập ra một số quy trình về chia sẻ nguồn nước của lưu vực trên cơ sở công bằng.

Lịch sử hợp tác về sông Mêkông bắt đầu từ giữa thế kỷ 20 khi Campuchia, Lào và Việt Nam chính thức ký kết Hiệp ước Geneva. Các nghiên cứu về sông Mêkông của Ủy hội kinh tế vùng châu Á và Cận Đông (ECAFE) và Cục Cải tạo đất của Mỹ cho thấy cần có một hệ thống lớn để phát triển một trong những "con sông lớn chưa được chế ngự" của thế giới này. Trước đó, chưa hề có một tổ chức thế giới nào thử đảm đương những trách nhiệm to lớn liên quan đến tài trợ, xây dựng, quản lý và duy trì các dự án trên một con sông quốc tế.

Sau Hiệp định năm 1995, Ủy hội sông Mêkông chuyển trọng tâm từ phát triển các dự án quy mô lớn sang phát triển bền vững và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Trong 10 năm qua, Ủy hội đã đạt được những tiến bộ lớn nhằm hướng tới những mục tiêu đã tuyên bố thông qua hàng

loạt những hiệp định về sử dụng nước, chất và lượng nước. Các nước thành viên đã nhất trí về sự cần thiết phải chia sẻ và trao đổi số liệu và thông tin, phải có một chiến lược quản lý và giảm lũ, một chiến lược thủy điện và đã có một hiệp định chính thức với Trung Quốc về trao đổi số liệu thủy văn và các số liệu khác. Trên thực tế các nước thành viên đang hợp tác chặt chẽ với nhau theo nhiều cách như thường xuyên trao đổi thông tin về những phát triển mới, hỗ trợ kinh nghiệm kỹ thuật và kiến thức và cùng nhau giải quyết các vấn đề xuyên biên giới. Trong tương lai, Ủy hội sông Mêkông rất khuyến khích tất cả các lĩnh vực của nguồn nước trong lưu vực nhằm giảm nghèo và cải thiện điều kiện sống của người dân trong lưu vực.

Chương trình Hợp tác Khu vực mới của Ủy hội sông Mêkông về Phát triển và Quản lý tổng hợp tài nguyên nước của lưu vực sông Mêkông dự định giúp các nước thành viên sử dụng tốt nhất tài nguyên nước của mình. Thông qua chiến lược này, Ủy hội sông Mêkông dự kiến sẽ hoạt động như một người thúc đẩy và hỗ trợ tiến trình đầu tư và phát triển trong ngành nước, khuyến khích và phối hợp sử dụng bền vững và quản lý nước và các tài nguyên liên quan cho giao thông thủy, sản xuất lương thực, sản xuất năng lượng và sinh hoạt.

Ủy hội sông Mêkông hợp tác chặt chẽ với nhiều tổ chức, bao gồm các cơ quan của Liên hiệp quốc như UNDP và UNESCAP, Quỹ Thiên nhiên hoang dã của Thế giới, Hội Bảo tồn Thế giới (IUCN) và nhiều chính phủ và tổ chức. Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển châu Á cũng là những đối tác trong nhiều chương trình như Quy hoạch Phát triển lưu vực, Sử dụng nước, và Quản lý và Giảm thiểu lũ. Ủy hội đang tìm kiếm tài trợ cho một chương trình phát triển du lịch sông Mêkông.

Ủy hội sông Mêkông đang mong đợi một thập kỷ mới của thách thức và hợp tác thành công trước những đòi hỏi của một giai đoạn tăng trưởng khổng lồ cả về dân số và kinh tế và điều này có tính sống còn để áp dụng một cách tiếp cận thống nhất cho nhu cầu phát triển của lưu vực nếu các tài nguyên thiên nhiên quý giá được bảo vệ vì lợi ích của các thế hệ tương lai.

KHOÁ TẬP HUẤN LẦN THỨ 2 CỦA NARBO

The 2nd NARBO training course

The 2nd NARBO training course on "River Basin Management and Organizations" was held from April 25 to 29 at Beach Hotel on Negombo in Sri Lanka. Twenty seven participants from Afghanistan, Bangladesh, India, Nepal, Pakistan and Sri Lanka took part in the training. From NARBO Secretariat, Dr. Tennakoon, who is acting vice-chairperson, Mr. Dennis, Mr. Imam, Mr. Ishimura and Mr. Takagi also attended and made presentations.

Khóa tập huấn về "Tổ chức và Quản lý lưu vực sông" đã được tổ chức từ 25-29/4/2005 tại Khách sạn Bãi biển ở Negombo, Sri Lanka. Khóa học có 27 học viên đến từ Afghanistan, Bangladesh, Ấn Độ, Nepal, Pakistan và Sri Lanka. Ban Thư ký NARBO có TS. Tennakoon, quyền Phó Chủ tịch, ông Dennis, ông Imam, ông Ishimura và ông Takagi tham dự và có bài trình bày tại khóa học.

Khóa học được tổ chức dưới sự bảo trợ của 6 tổ chức là IWWI, ADB, ADBI, JWA, GWP - Nam Á

và Lanka Jalani. Nhóm tập huấn viên chính đến từ trụ sở chính của IWWI.

Chương trình học gồm 4 mô đun là "Khái quát các lý do phải Quản lý lưu vực sông (RBM)", "Những hiểu biết mới từ các nghiên cứu gần đây", "Những vấn đề và hạn chế ở cấp địa phương và quốc gia" và "Thiết kế một hệ thống thể chế phù hợp".

Tại lễ bế mạc, mọi học viên đều được tuyên dương và khóa học kết thúc rất thành công và có kết quả.

HỢP TRƯỞNG BỊ LẤN THỨ 3 CHUẨN BỊ CHO DIỄN ĐÀN NƯỚC ĐÔNG NAM Á

The 3rd preparatory meeting for Southeast Asia Water Forum on May 17, 2005

Hướng tới Diễn đàn nước Đông Nam Á lần thứ 2 ở Bali từ 29/8 đến 2/9, cuộc họp trụ bị lần thứ 3 được tổ chức ngày 17/5 tại Indonesia.

KHOÁ TẬP HUẤN CỦA JICA VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP TNN

JICA training course on IWRM from October 11 to November 8

Khóa tập huấn lần 2 này sẽ được tổ chức từ 11/10 đến 8/11. Mười học viên sẽ được cử tham gia từ Indonesia, Lào, Trung Quốc, Ấn Độ, Philippines, Việt Nam, Bangladesh và Pakistan. Nếu quan tâm, xin liên hệ với Văn phòng JICA để biết thông tin.



Các học viên tham gia thảo luận trong quá trình tập huấn



Biểu tượng của Ủy hội sông Mêkông làm bằng bóng bay

Văn phòng BQLQLHV sông Hồng - Thái Bình
Chánh Văn phòng:
Viện trưởng Viện QHTL, Ts. Tô Trung Nghĩa

Trụ sở: tại Viện Quy hoạch Thủy lợi
162 A Trần Quang Khải, Hà Nội.
ĐT: (84-4) 8.256 470 / 8.267020
Fax: (84-4) 8.267020
E-mail: iwrrp.hanoi@hn.vnn.vn
Website: <http://www.rrobo.org.vn>